

**TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
TIỀN TRUNG**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình

Tel: 036-382 3162 Fax: 036-368 3162

Website: www.tientrung.net



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015**

Thái Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2016

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**
- Tên giao dịch viết tắt: **Tien Trung JSC**
- Nhận hiệu thương mại:



- **Trụ sở chính của Công ty:**
- **Địa chỉ:** Cụm công nghiệp Trà Lý, xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- **Điện thoại:** 036-382 3162 Fax: 036-368 3162
- **Website:** www.tienTrung.net
- **Mã số thuế:** 1000332857
- **Vốn điều lệ:** **52.500.000.000 đồng** (Năm hai tỷ năm trăm nghìn đồng chẵn.)

2. Ngành nghề kinh doanh chính:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000332857 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 10/04/2003; số 1000332857 thay đổi lần 7 ngày 26/4/2014, ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty như sau:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường sông bằng tàu, thuyền;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;

- Xây dựng các công trình: dân dụng, giao thông, thủy lợi; san lấp mặt bằng, đào đắp bằng máy xúc và máy ủi; bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng; bán buôn, bán lẻ chất đốt (than, củi); nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống...

3. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung tiền thân là Công ty TNHH Tiến Trung được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 04 năm 2003, hoạt động chính là khai thác cát, đá, sỏi để cung cấp cho các công trình xây dựng như giao thông đường bộ, xây dựng thủy lợi, các công trình xây dựng trong địa bàn tỉnh Thái Bình. Qua quá trình phát triển, Công ty ngày một mở rộng kinh doanh thêm các loại nguyên vật liệu xây dựng khác như xi măng, gạch, thép... và đầu tư thêm lĩnh vực vận tải, chuyên vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy. Song song với quá trình đa dạng loại hình kinh doanh, Công ty từng bước mở rộng mạng lưới hoạt động sản xuất kinh doanh, từ cung cấp vật liệu trong tỉnh đến ngoài tỉnh.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 17/12/2010, vốn điều lệ ban đầu thành lập của Công ty Cổ phần là 15 tỷ đồng. Để đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới, Công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng trong năm 2011.

Ngày 2/7/2011, Công ty đã trở thành Công ty đại chúng theo Quyết định số 232/UBCK - QLPH của UBCKNN và đăng ký niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29/1/2013.

Ngày 26/4/2014, Công ty đã phát hành cổ phiếu riêng lẻ thành công, tăng vốn điều lệ Công ty lên 52,5 tỷ đồng, đánh dấu sự phát triển lớn mạnh quy mô, tiềm lực tài chính của Công ty.

Năm 2015, Công ty đã góp vốn thành lập 02 công ty con trực thuộc tại Sơn La và Hà Nội, đánh dấu sự phát triển về quy mô và mở rộng thị trường tiêu thụ của Công ty.

Hiện nay, Công ty là một trong những nhà cung cấp nguyên vật liệu xây dựng, cung ứng dịch vụ kho cảng, vận tải hàng hóa, san lấp mặt bằng, thi công các công trình dân dụng, thủy lợi hàng đầu tại khu vực tỉnh Thái Bình. Với lợi thế vị trí kho bãi, cảng bốc dỡ hàng hóa và sự đầu tư mạnh mẽ về máy móc thiết bị chuyên chở Công ty đã khẳng định được thương hiệu của mình. Trải qua hơn 14 năm phấn đấu trưởng thành, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung không ngừng phát triển, cung cấp vật liệu cho các công trình xây dựng, các dịch vụ, sản phẩm chất lượng cao, xây dựng được thương hiệu mạnh với hơn 100 cán bộ lao động giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết cùng với một đội ngũ công nhân lành nghề.

Trên cơ sở mô hình tổ chức hiện tại, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung không ngừng củng cố và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản trị điều hành theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và điều khiển, xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp, duy trì hệ

thống quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển Công ty lên một tầm cao mới.

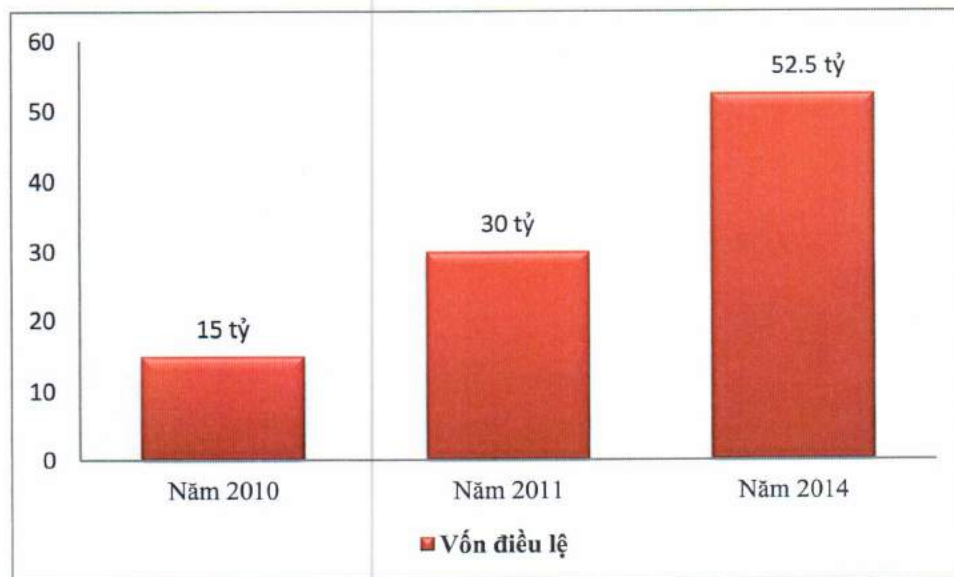
Sau hơn năm năm hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã đạt được những thành tích đáng ghi nhận. Với sức trẻ và lòng nhiệt huyết trên sở phát huy thế mạnh của Công ty, tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đang nỗ lực phấn đấu xây dựng Công ty ngày một phát triển lớn mạnh và bền vững.

Trong suốt quá trình hoạt động, Công ty Tiên Trung cũng đã khẳng định được thế mạnh trong lĩnh vực kinh doanh, cung cấp vật liệu xây dựng, thi công san lấp mặt bằng thông qua việc đã và đang thực hiện cung cấp vật liệu cho nhiều công trình dự án

Các mốc thời gian và sự kiện tiêu biểu của Công ty

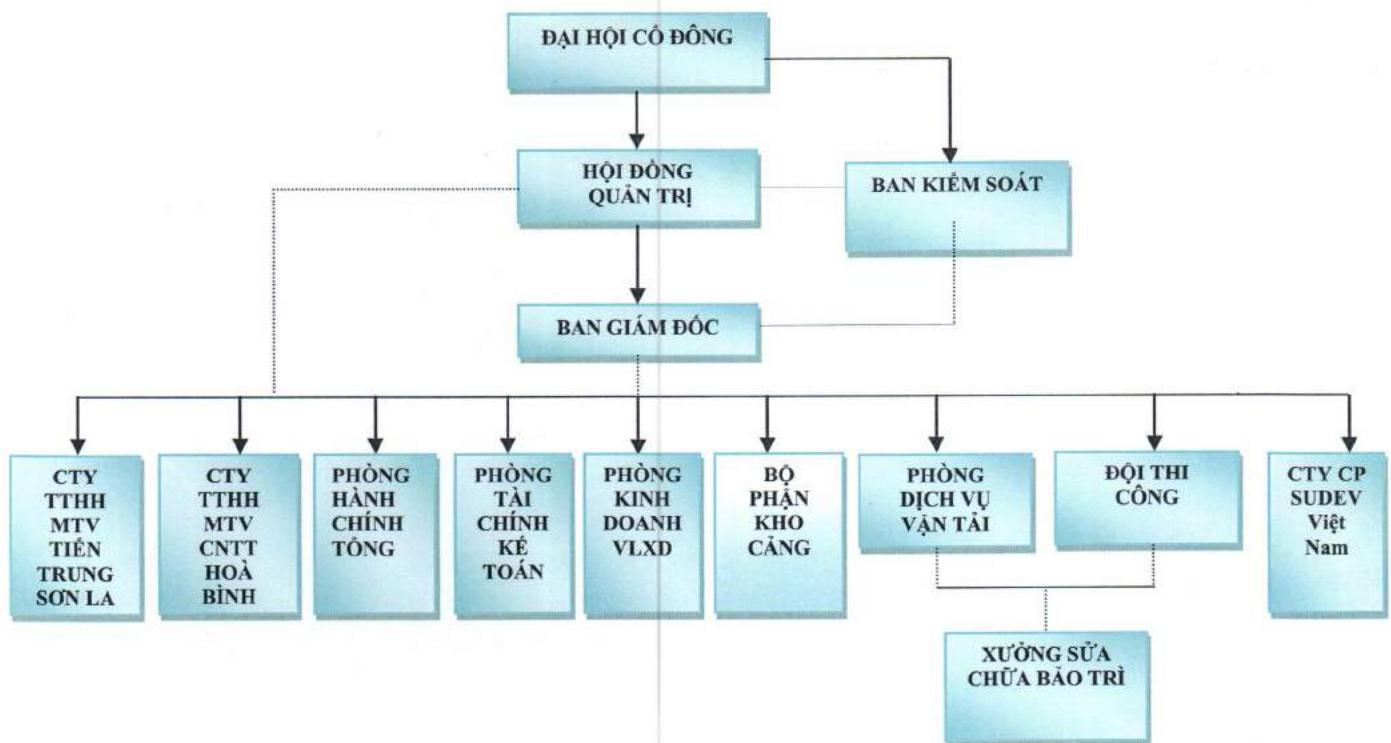


Mức thời gian tăng vốn điều lệ của Công ty



4. Cơ cấu tổ chức Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty



4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc

biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

HĐQT là tổ chức quản lý của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT, 04 (bốn) ủy viên HĐQT với nhiệm kỳ là 5 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên BKS là 03 (ba) thành viên. Trong BKS phải có ít nhất 1 thành viên là người có chuyên môn về tài chính – kế toán. BKS là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Nhiệm kỳ là 5 năm do ĐHĐCĐ bầu.

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc của công ty gồm có 01 (một) Giám đốc và 03 (ba) Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quản lý và điều hành các hoạt động, các công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Tuyển dụng và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Các phòng ban chức năng và Công ty con, liên danh - liên kết:

Phòng Hành chính Tổng hợp.

a. Công tác đào tạo, tuyển dụng, kỷ luật lao động:

- Lập kế hoạch đào tạo, tuyển dụng và kỷ luật lao động theo kế hoạch sản xuất hàng năm và theo định hướng phát triển của Công ty.
- Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ
- Tuyển dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn phát triển của Công ty.

b. Công tác tổ chức, công tác cán bộ:

- Tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, điều hành của bộ máy từ Công ty và các đơn vị trực thuộc theo thẩm quyền, chuẩn bị việc thành lập các hội đồng, ban, đoàn và tổ chức công tác.
- Nghiên cứu xây dựng, đề xuất, phương án tổ chức sản xuất từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc.
- Theo dõi, báo cáo thống kê và phân loại lao động và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện phân loại lao động.
- Lập kế hoạch sử dụng nhân lực hàng năm.

c. Công tác Lao động tiền lương và chính sách đối với người lao động:

- Đề xuất, nghiên cứu chế độ tiền lương, chế độ tiền thưởng áp dụng trong Công ty phù hợp với chế độ chính sách của Công ty và của Nhà nước.
- Thực hiện chế độ BHXH, Bảo hiểm y tế các chế độ khác về Bảo hiểm đối với người lao động.

Phòng Tài chính Kế toán:

- Xây dựng và thực hiện các kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn.
- Lập dự toán, tổ chức công tác kế toán, báo cáo quyết toán chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Thực hiện việc chi trả lương, các khoản phụ cấp và các chế độ khác cho CB CNV toàn Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan tổ chức quản lý thực hiện có hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản của Công ty.
- Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo về hoạt động tài chính theo đúng chế độ kế toán. Bảo quản, lưu trữ, các chứng từ kế toán theo quy định.

Phòng Dự án:

a. Công tác Đầu tư dự án:

- Xây dựng và trình duyệt định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của Công ty.
- Kiểm tra, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua định hướng chiến lược phát triển đầu tư, kế hoạch đầu tư ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch đầu tư hàng tháng/quý/năm của các đơn vị trực thuộc Công ty.
- Chủ trì tổng hợp báo cáo, phân tích đánh giá về công tác đầu tư, tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư và triển khai các dự án của Công ty, định kỳ hàng tháng/quý/năm theo quy định hiện hành của Pháp luật và của Công ty.
- Quản lý, kiểm tra, theo dõi hoạt động đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về lĩnh vực đầu tư.
- Thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Công tác Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị:

- Trên cơ sở kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty được duyệt, chủ trì tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định và trình phê duyệt các Dự án đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty.
- Phối hợp với các phòng chức năng của Công ty tổ chức thực hiện các dự án đầu tư mua sắm thiết bị sau khi được phê duyệt.
- Thẩm định, trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt/thông qua các Dự án đầu tư mua sắm thiết bị của Công ty.
- Phối hợp với các phòng chức năng quản lý việc thực hiện các gói thầu thiết bị.
- Tham gia quá trình tổ chức đấu thầu mua sắm tài sản...

Phòng Kinh doanh vật liệu xây dựng:

- Giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành công tác kinh doanh các sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh nhằm đạt được các chỉ tiêu doanh số đề ra.
- Xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, khai thác, tìm kiếm khách hàng, đàm phán và ký kết hợp đồng về thiết kế và thi công xây dựng.
- Đề xuất và triển khai các chương trình kinh doanh theo định hướng chiến lược của Công ty.
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh.
- Đề xuất các giải pháp nhằm duy trì và thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- Phối hợp với phòng nhân sự trong công tác tuyển dụng và đào tạo nhân viên phòng kinh doanh vật liệu xây dựng.

Bộ phận Kho cảng:

- Lên kế hoạch và làm các thủ tục điều động kho cảng.
- Chịu trách nhiệm làm đầu mối liên hệ với các đơn vị hữu quan: Chủ tàu, chủ hàng, đại lý, hải quan... trong hoạt động kinh doanh khai thác kho cảng.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Đội thi công:

- Thực hiện trực tiếp thi công tại các công trường. Theo dõi, bám sát tiến độ thi công của các công trình đang thực hiện.
- Nghiên cứu, đề xuất Giám đốc công ty về ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ áp dụng vào việc thi công các công trình.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Phòng Dịch vụ Vận tải:

- Cung cấp dịch vụ và tư vấn về vận tải hàng hóa.
- Điều phối xe, cân đối nguồn xe đảm bảo yêu cầu của khách hàng.
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Xưởng sửa chữa, bảo trì:

- Thực hiện bảo trì, sửa chữa, khắc phục nhanh chóng các sự cố, hỏng hóc các thiết bị, phương tiện của Công ty.
- Chịu trách nhiệm công tác bảo trì, bảo dưỡng,
- Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao.

Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình

- Địa chỉ: Thôn Trọng, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (gạch tuynel, ngói...); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, vôi và thạch cao.... Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỉ đồng); Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La

- Địa chỉ: Bản Pó Nhàng, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh VLXD, Đầu tư dự án;
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam

- Địa chỉ: Nhà B1/X7 ngõ 17 Hoàng Ngọc Phách, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn - thiết kế, Giám sát - Thi công xây dựng.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 90% vốn của công ty con.

4.2. Định hướng phát triển của Công ty

Xây dựng Công ty Tiến Trung phát triển một cách toàn diện, bền vững trở thành Công ty mạnh đặc biệt trong các lĩnh vực khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng, vận tải, trở thành đơn vị hàng đầu trong địa bàn tỉnh Thái Bình.

Lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh làm thước đo cho sự tăng trưởng bền vững. Không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo lợi nhuận tăng dần hàng năm, cải thiện đời sống người lao động và mức thu nhập ổn định của người lao động.

Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và từng bước phát triển Công ty Tiến Trung trở thành một doanh nghiệp ổn định, bền vững, một trong những công ty có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường trong và ngoài tỉnh Thái Bình.

Xây dựng Công ty Tiến Trung là Công ty sản xuất kinh doanh có uy tín cao trên thị trường sẽ cung ứng cho thị trường những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng, độ tin cậy cao và đạt tiêu chuẩn.

Mục tiêu cụ thể

- Duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng; dịch vụ vận tải; kho cảng; thi công các công trình tại thị trường truyền thống và từng bước mở rộng ra thị trường mới.

- Thực hiện xác lập chuỗi cung ứng khép kín thông qua việc lựa chọn đối tác chiến lược để hợp tác toàn diện từ quá trình sản xuất, vận chuyển, tiêu thụ. Hiện nay TTZ đã ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện với Công ty CP Đầu tư phát triển Nhà Hòa Bình (HBDH). Theo đó, HBDH sẽ bao tiêu và giới thiệu toàn bộ sản phẩm gạch tuyenl của Nhà máy Phong Phú tại Tân Lạc, Hòa Bình cho TTZ; Cùng với TTZ lập thành liên danh nhà thầu để thi công các công trình có giá trị lớn, kỹ thuật cao. Ngược lại, TTZ sẽ đầu tư vào mảng khai thác đá làm VLXD và/hoặc mua cổ phần của HBDH để nâng cao năng lực tài chính và quản trị cho HBDH.

- Nghiên cứu, đầu tư dự án mới cho giai đoạn 2016 - 2020: Hoạt động sang lĩnh vực Nông nghiệp – Du lịch; Bất động sản và một số ngành nghề phù hợp với chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Nhà nước, xu hướng hội nhập khu vực Asian nhưng phải dựa trên thế mạnh sẵn có (nhân lực, vật lực, quan hệ đối tác....) của TTZ.

4.3. Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng phát triển của ngành

Với mong muốn phát triển Công ty một cách bền vững, xác lập vị thế của Công ty trong ngành, Công ty Tiên Trung luôn xây dựng định hướng phát triển Công ty phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành dựa trên cơ sở nghiên cứu xu hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước.

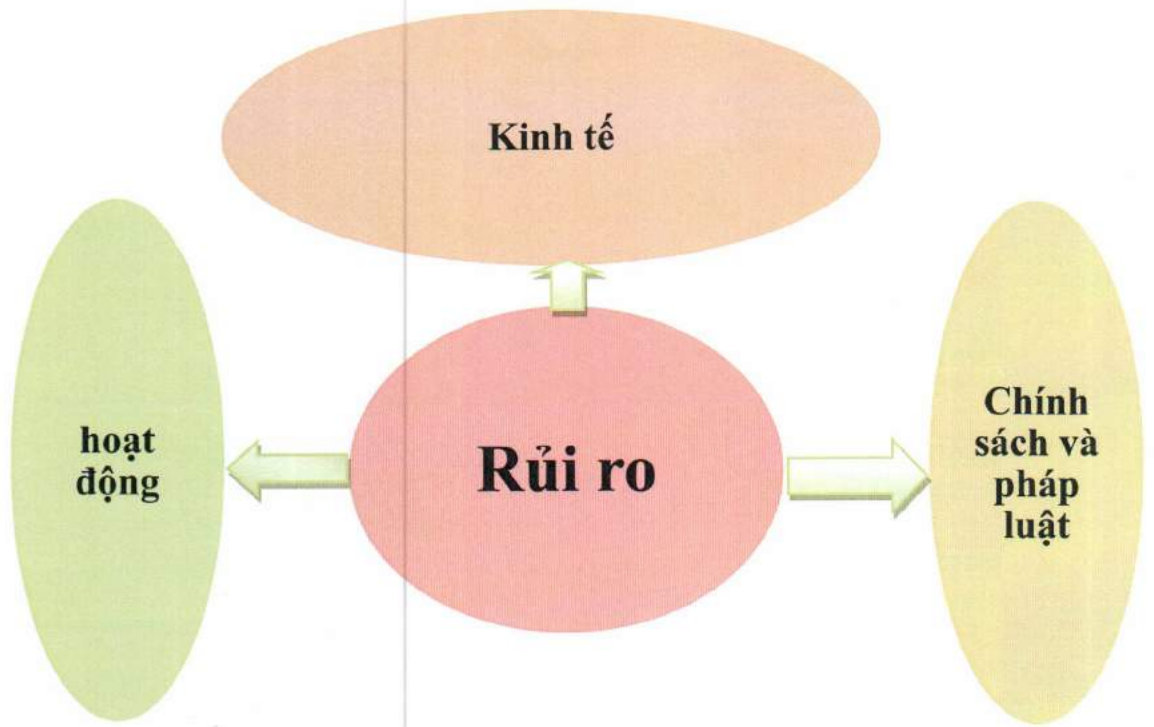
Để thu hút được khách hàng, giữ vững và mở rộng thị phần trong ngành, Công ty xác định cần luôn luôn nâng cao năng lực cạnh tranh của mình thông qua:

- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở nghiên cứu kỹ nhu cầu thị trường và thế mạnh của doanh nghiệp.
- Đưa ra các mức giá sản phẩm, dịch vụ cạnh tranh bằng cách tăng cường quản lý chi phí;
- Chú trọng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị;
- Chú trọng trong công tác đấu thầu các dự án trong và ngoài tỉnh;
- Không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý;
- Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ công nhân viên;
- Không ngừng xây dựng và củng cố văn hóa doanh nghiệp...

Là Công ty có cổ phiếu đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Tình hình thị trường chứng khoán hiện nay tuy có những biến động phức tạp, nhưng đây sẽ là những tiền đề để thị trường sẽ ngày càng phát triển theo chiều hướng bền vững, tạo điều kiện, cơ sở thuận lợi cho công ty thực hiện quảng bá tên tuổi và hình ảnh trên cả thị trường chứng khoán.

5. Các rủi ro

Hiện nay, Công tác quản trị rủi ro được Ban lãnh Tiên Trung luôn đặt lên hàng đầu, thông qua việc nhận định, đánh giá những nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tiên Trung. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tiên Trung chủ yếu chịu sự tác động của các rủi ro sau:



5.1. Rủi ro chính sách và pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty Tiên Trung chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật chứng khoán, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... Sự thay đổi của Luật, các văn bản dưới luật và biến động của thị trường chứng khoán ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn theo dõi, cập nhật thường xuyên các văn bản Luật và dưới luật, phổ biến rộng rãi những quy định, văn bản liên quan tới Cán bộ công nhân viên toàn công ty.

5.2. Rủi ro hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung hoạt động trong các lĩnh vực chính là: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, khai thác cát, đá, sỏi, đất sét, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói đá..., cho thuê kho bãi tại cảng của Công ty. Vì vậy, trong hoạt động của Công ty sẽ xuất hiện một số rủi ro đặc thù, bao gồm:

- Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với tốc độ phát triển cao của ngành vận tải cũng như hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng, trong thời gian qua, sự cạnh tranh giữa các công ty trong lĩnh vực này đang diễn ra ngày càng gay gắt, quyết liệt. Để thu hút được khách hàng, mở rộng thị trường, ngoài việc tích cực đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, Công ty cần phải tập trung nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ. Với tình hình kinh tế suy giảm thì tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sẽ ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Cạnh tranh tất yếu dẫn đến sự giảm giá dịch vụ nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng. Trong khi đó, các chi phí liên quan tới nguyên vật liệu đầu vào, nhân công... luôn biến động khiến cho việc quản lý các chi phí để đảm bảo chỉ tiêu đề ra sẽ gặp nhiều khó khăn.

- Rủi ro về biến động giá cả nguyên vật liệu

Hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ cũng phụ thuộc rất nhiều bởi yếu tố nguyên liệu đầu vào như xăng dầu, hàng hóa... Trong thời gian qua, những thay đổi giá xăng dầu, những biến động giá nguyên vật liệu đã ảnh hưởng không nhỏ tới công tác quản lý rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.

- Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi đưa cổ phiếu lên niêm yết tập trung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc niêm yết cổ phiếu sẽ đem lại cho Công ty những cơ hội để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác, nâng cao uy tín đối với khách hàng, tạo lập một kênh huy động vốn mới hiệu quả hơn ...

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi, nhiều mã cổ phiếu giao dịch trên sàn thấp hơn giá trị sổ sách, giá cổ phiếu có thể thay đổi do tác động của các yếu tố như cung cầu, thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc sự thay đổi về môi trường pháp luật ... Để hạn chế những rủi ro nêu trên Công ty chủ động trong việc duy trì cơ cấu tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả và cam kết điều hành mọi hoạt động của Công ty theo hướng minh bạch, công bố thông tin về các hoạt động của Công ty kịp thời và chính xác theo đúng những quy định của pháp luật.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục duy trì mà mở rộng hoạt động kinh doanh truyền thông của Công ty, bao gồm kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải, thi công công trình, cho thuê thiết bị và dịch vụ kho cảng.

Nhà máy của công ty con TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình đi vào hoạt động chính thức, nên đã mang lại doanh thu gần 15 tỷ cho Công ty. Kết quả hoạt động tài chính của TTZ trong niên khóa 2015.

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với Kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	80.675.000.000	74.470.822.510	92,22%
2	Vốn điều lệ	105.000.000.000	52.500.000.000	0%
3	Lợi nhuận trước thuế	10.660.000.000	2.824.356.849	26,49%
4	Lợi nhuận sau thuế	8.315.000.000	2.184.537.986	26,26%
5	Cổ tức	10%	-	0%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đối với hoạt động vận tải, năm 2015 giá nguyên liệu đầu vào có xu hướng giảm mạnh nên đã có những tác động tích cực đến kết quả hoạt động trong năm 2015 của Công ty.

Năm 2015, Doanh thu Công ty chưa đạt được kế hoạch đặt ra, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 26,26% so với kế hoạch, do Quý IV Công ty đã phải trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi với đối tác mất khả năng thanh toán, khoản trích lập lớn ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Ngoài ra, trong năm 2015, Công ty đã mở rộng đầu tư, thành lập thêm 02 Công ty là Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La và Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam nên chi phí quản lý chung cũng tăng đáng kể.

Mặc dù Doanh thu, lợi nhuận không đạt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đặt ra, nhưng các chỉ tiêu này đều tăng trưởng mạnh so với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014. Kết quả này cho thấy Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực mở rộng thị trường, tìm kiếm nhiều cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Năm 2015 là năm tài chính bàn lẽ để đưa Công ty đi vào ổn định và phát triển trong những năm tài khóa tiếp theo.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành

TT	Họ và tên	Chức vụ
I	Hội đồng quản trị	
1	Hoàng Văn Ty	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
2	Hoàng Anh Quyết	Thành viên HĐQT
3	Hoàng Thị Kim	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT
5	Đặng Ngọc Thông	Thành viên HĐQT
II	Ban Kiểm soát	
1	Vũ Tuấn Doanh	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Loan	Thành viên BKS
3	Nguyễn Hải Văn	Thành viên BKS
III	Ban Giám đốc	
1	Hoàng Văn Ty	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
2	Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
3	Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Giám đốc
IV	Kế toán trưởng	
1	Vũ Thị Hằng	Kế toán trưởng

2.1. Hội đồng quản trị

2.1.1. Hoàng Văn Ty - Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 151328854 do Công an Thái Bình cấp ngày 14/10/1997
- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 655.400 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Con Hoàng Thị Kim: 157.500 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.2. Ông Hoàng Anh Quyết – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 00 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Bố Hoàng Văn Ty: 655.400 Cổ phần
 - + Chị Hoàng Thị Kim: 157.500 Cổ phần
 - + mẹ Nguyễn Thị Mến
 - + Vợ Nguyễn Thị Tuyết Nhung: 500.000 Cổ phần

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.3. Bà Hoàng Thị Kim – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 54 Đường Nguyễn Đình Nghi, P. Quang Trung, TP. Hưng Yên
- Số CMND: 151394020 do Công an Thái Bình cấp ngày 15/03/1999
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 157.500 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Bố Hoàng Văn Ty: 655.400 Cổ phần
 - + Chồng Đặng Ngọc Thông: 157.500 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.4. Bà Nguyễn Tuyết Nhung – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 47 tổ 58 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND : 012282749 do Công an Hà Nội cấp ngày 08/10/1999
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán kiểm toán
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:

- Sở hữu cá nhân: 500.000 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.1.5. Ông Đặng Ngọc Thông – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 54 Đường Nguyễn Đình Nghi, P. Quang Trung, TP. Hưng Yên
- Số CMND : 145069035 do Công an Hưng Yên cấp ngày 01/08/1999
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 157.500 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Vợ Hoàng Thị Kim: 157.500 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2. Ban Kiểm soát

2.2.1. Ông Vũ Tuấn Doanh - Trưởng Ban Kiểm Soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
- Số CMND : 151594276 do Công an Hà Nam cấp ngày 26/07/2010
- Trình độ văn hoá: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.2. Bà Nguyễn Thị Loan – Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ứng Hoà, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Nhà 136A , Ngõ 9 đường Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội
- Số CMND: 112072832 cấp ngày 15/10/2003 tại CA tỉnh Hà Tây
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế - Khoa Kế Toán
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty:

2.2.3. Ông Nguyễn Hải Văn - Thành viên BKS

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xóm 12, Thôn Trung Tiến, Xã Tây Lương, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình
- Số CMND: 151354343 cấp ngày 18/07/2011 tại CA Thái Bình
- Trình độ văn hoá: Đại Học

- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3. Ban Giám đốc

2.3.1. Ông Hoàng Văn Ty - Giám đốc (đã nêu tại mục HĐQT - 1.1.1.)

2.3.2. Bà Nguyễn Thị Mên - Phó Giám đốc

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
- Số CMND : 150244409 do Công an Thái Bình cấp ngày 17/01/2005
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 00 Cổ phần
 - Sở hữu đại diện: 0 Cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Ông Hoàng Văn Ty: 655.400 Cổ phần
 - + Con Hoàng Thị Kim: 157.500 Cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.3.3. Ông Nguyễn Xuân Vinh - Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lập Thạch, Vĩnh Phúc

- Địa chỉ thường trú: Nhà B1/72B ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 013357542 cấp ngày 19/10/2010 tại CA Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ xây dựng dân dụng & công nghiệp
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - + Vợ Vũ Thị Hằng : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.4. Bà Vũ Thị Hằng - Kế toán trưởng

- Họ và tên: Vũ Thị Hằng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Yên Mô, Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: Nhà B1/72B ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội
- Số CMND: 013357541 cấp ngày 19/10/2010 tại CA Hà Nội
- Trình độ văn hoá: Đại Học
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - Sở hữu đại diện : 0 cổ phần
 - Những người có liên quan : 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những thay đổi trong ban điều hành

- Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị Mến và bầu thay thế Ông Hoàng Anh Quyết là thành viên Hội đồng quản trị.

- Ngày 29/9/2015, Giám đốc Công ty đã có quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty đối với Ông Ngô Lê Quế
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Trong thời gian tới sẽ ưu tiên tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ có kinh nghiệm quản lý dự án phục vụ cho mục tiêu đầu tư và phát triển Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ.

- Đào tạo nhân viên mới: Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo tại nơi làm việc: Tùy thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

- Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Chính sách tiền lương:

Chính sách tiền lương, tiền thưởng, trợ cấp của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính chất công việc thực tế.

Nguyên tắc phân phối quỹ tiền lương năng suất: Phân phối theo lao động, gắn tiền lương với trách nhiệm công tác, năng suất lao động, hiệu quả lao động của từng người, khuyến khích người có chuyên môn, kỹ thuật cao.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc. Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:

- Khen thưởng định kỳ theo quý, năm hoặc theo phong trào phát động;
- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;

- Thường trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các dự án Công ty thực hiện trong năm 2015

- Dự án nhà máy gạch Tuynel Hòa Bình

Nhà máy được khởi công xây dựng từ năm 2012, đến tháng 9/2014 những viên gạch đầu tiên của Nhà máy đã được ra lò, chính thức đưa nhà máy vào vận hành thương mại, năm 2015 doanh thu nhà máy đạt gần 15 tỷ đồng cung cấp gạch trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và các vùng lân cận

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty TNHH Một thành viên Tiến Trung Sơn La

- Địa chỉ: Bản Pó Nhàng, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh VLXD, Đầu tư dự án;
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (hai mươi lăm tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn của công ty con.

Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam

- Địa chỉ: Nhà B1/X7 ngõ 17 Hoàng Ngọc Phách, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn - thiết kế, Giám sát - Thi công xây dựng.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng; Tỷ lệ sở hữu: 90% vốn của công ty con.

10. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	63.363.729.436	67.068.194.049	5,84%
2	Doanh thu thuần	20.787.217.911	74.470.822.510	258,2%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.001.969.682	3.079.236.634	207,6%
4	Lợi nhuận khác	-	256.879.785	
5	Lợi nhuận trước thuế	1.001.969.682	2.824.356.849	182,1%

6	Lợi nhuận sau thuế	718.905.369	2.184.537.986	204,17%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) *	149	416	179,19%

(Nguồn: Báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán)

Doanh thu năm 2015 Công ty tăng trưởng vượt bậc so với năm 2014, do một số nguyên nhân sau:

- Các hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty ổn định và tăng trưởng mạnh sản lượng và hàng hóa bán ra, bao gồm kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải, thi công công trình, cho thuê thiết bị và dịch vụ kho cảng. Trong năm, Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng giá trị lớn là những khách hàng truyền thống, và mở rộng tìm kiếm khách hàng mới nên mang lại doanh thu lớn cho Công ty. Góp phần tăng doanh thu ấn tượng của Công ty là từ hai công ty con Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình và Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty con – Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình đóng góp doanh thu đáng kể cho Công ty do nhà máy gạch Tuynel đã đi vào hoạt động ổn định, Công ty nhận được nhiều đơn hàng có giá trị lớn như cung cấp gạch cho dự án nhà máy thủy điện Trung Sơn tỉnh Thanh Hóa, Công trình trung tâm hành chính huyện Vân Hồ tỉnh Sơn La, Công trình hạ tầng tỉnh Hòa Bình và nhiều công trình dân dụng trong khu vực.

- Doanh thu từ Công ty con – Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam, đơn vị Công ty đã thực hiện góp vốn tháng 9/2015.

Biến động lợi nhuận năm 2015 so với năm 2014.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng 204,17% so với năm 2014 do doanh thu Công ty tăng, trong năm giá nguyên nhiên liệu (xăng, dầu) có xu hướng giảm nên làm tiết giảm chi phí giá vốn đã tác động tích cực đến lợi nhuận sau thuế của Công ty.

4.2. Các chỉ tiêu khác:

Một số chỉ tiêu tài chính tổng hợp

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
- Hệ số thanh toán hiện hành: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	6,20	5,39
- Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	3,47	2,55
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			

- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	12,16	13,76
- Nợ phải trả/vốn CSH	%	13,85	15,95
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	Lần	3,02	2,68
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	1,18	1,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:			
- LN sau thuế / Doanh thu thuần	%	3,46	2,91
- LN sau thuế /Vốn đầu tư chủ sở hữu	%	1,37	4,13
- LN sau thuế/ Tổng tài sản	%	1,07	3,23
- LN hoạt động kinh doanh/DTT	%	4,82	4,13

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.250.000 cổ phần
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	3.500.000 cổ phần
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng đến ngày 3/4/2015, Sau thời gian này toàn bộ số cổ phần tự do chuyển nhượng	1.750.000 Cổ phần
	Tổng số	5.250.000 cổ phần

Cơ cấu cổ đông công ty (tại ngày 31/3/2016 theo danh sách cổ đông VSD cung cấp)

	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ/VĐL thực góp
1	Cổ đông trong nước	177	5.233.500	52.335.000.000	99,68%
	Cổ đông là tổ chức	2	236.000	2.360.000.000	4,5%
	Cổ đông là cá nhân	175	5.009.000	50.900.000.000	95,4%
2	Cổ đông nước ngoài	2	4.600	165.000.000	0,1%
	Cổ đông là tổ chức				
	Cổ đông là cá nhân		4.600	46.000.000	0,1%
Tổng Cộng			5.250.000	52.500.000.000	100%

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ (tại ngày 31/3/2016 theo danh sách cổ đông VSD cung cấp)

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ trọng
1	Hoàng Văn Ty	Xã Tây Lương, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	655.400	12,48%
2	Nguyễn Xuân Khoa	301B, Điện Biên Phủ, P.Quang Trung, TP. Hưng Yên	620.000	11,81%
3	Nguyễn Tuyết Nhung	Số 47, TT Sư đoàn 361, Tân Xuân, Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	500.000	9,52%
	Tổng cộng		1.775.400	33,82%

I. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kinh doanh vật liệu xây dựng:

Công ty đã có bề dày hơn 15 năm kinh doanh vật liệu xây dựng, là đơn vị cung cấp nguyên vật liệu xây dựng có uy tín trong địa bàn tỉnh Thái Bình và các vùng lân cận phục vụ thi công các công trình xây dựng. Trong năm 2015 Công ty đã ký kết được nhiều hợp đồng có giá trị lớn cung ứng nguyên vật liệu cho khách hàng, mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt cho Công ty.

b. Lĩnh vực vận tải

Công ty thực hiện hai mảng kinh doanh vận tải đường thủy và vận tải đường bộ. Sau khi hoàn thành đầu tư cảng TTZ Port trong năm 2013, năm 2015 Ban lãnh đạo Công ty đã khai thác tối đa công suất hoạt động của cảng. Công ty đã ký kết nhiều hợp đồng vận chuyển dài hạn nên rất ổn định về doanh số hàng năm.

c. Triển khai các dự án

Dự án Xây dựng xưởng sản xuất đá xây dựng: Trong năm 2013, Công ty đã hoàn thành giai đoạn san lấp mặt bằng, xây dựng cơ bản (kè, tường rào, nhà điều hành, nhà ăn, kho, đường nội bộ và hệ thống cây xanh). Tuy nhiên, năm 2014 Công ty tạm dừng đầu tư do thị trường VLXD chưa có dấu hiệu hồi phục để nghiên cứu đánh giá lại nhằm đảm bảo an toàn vốn đầu tư. Năm 2015, nhận thấy việc đầu tư này sẽ không mang lại hiệu quả nên sẽ không thực hiện dự án để chuyển hướng đầu tư khác hiệu quả hơn.

Dự án Nhà máy gạch Tuynel tại Hòa Bình: Tháng 9 năm 2014, Nhà máy đã chính thức hoàn thành và đưa vào vận hành thương mại, đây là dự án công ty khởi công từ năm 2012. sản phẩm của nhà máy được khách hàng đánh giá tốt, nhiều đơn

đặt hàng đã được ký kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh. Với công suất hiện tại, nguồn cung gạch của nhà máy chưa đủ đáp ứng cầu xây dựng các công trình hạ tầng và dân dụng trong địa bàn hoạt động. Nhà máy gạch đã mang lại doanh thu đáng kể cho Công ty trong năm 2015.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

TÀI SẢN	Năm 2013	Năm 2014	% Tăng/giảm	Năm 2015	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	30.558	47.802	56,43%	49.757	4,08
Tài sản dài hạn	12.626	15.560	23,24%	17.310	11,25
Tổng tài sản	43.184	63.363	46,73%	67.068	5,85

b) Tình hình biến động nguồn vốn

Đơn vị: Triệu đồng

NGUỒN VỐN	Năm 2013	Năm 2014	% Tăng/giảm	Năm 2015	% Tăng/giảm
Nợ phải trả	5.747	7.707	34,10%	9.227	19,72
Vốn Chủ sở hữu	37.436	55.655	48,67%	57.840	38,76
- Vốn đầu tư của CSH	35.000	52.500	-	52.500	-
Tổng cộng nguồn vốn	43.184	63.363	46,73%	67.068	5,84

Tổng quy mô tài sản của Công ty tăng nhẹ vào cuối 2015 so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu do việc mở rộng quy mô kinh doanh, dẫn đến gia tăng tài sản ngắn hạn, trong đó góp phần đáng kể vào biến động này là sự gia tăng mạnh của các khoản phải thu ngắn hạn, do Công ty vẫn duy trì chính sách tín dụng và vấn đề chiếm dụng vốn khi nền kinh tế khó khăn. Hàng tồn kho cũng góp phần vào sự gia tăng này do công ty thực hiện ký kết hợp đồng mua lớn, dài hạn để giảm thiểu rủi ro về giá, và dự phòng nguồn hàng đáp ứng tiến độ thi công. Tổng nguồn vốn gia tăng nhẹ cuối năm 2015, tỷ lệ đòn bẩy tài chính rất thấp.

c) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2014	31/12/2015
I	Các khoản nợ phải trả	7.707.927.395	9.227.854.022
I	Nợ ngắn hạn	7.707.927.395	9.227.854.022

	-Vay và nợ ngắn hạn		-	-
	- Phải trả người bán		6.281.703.953	7.304.061.102
	- Người mua trả tiền trước		555.106.596	162.000.000
	- Thuế và các khoản phải nộp NN		802.505.186	1.432.408.080
	- Phải trả người lao động		-	192.000.000
	- Chi phí phải trả		-	-
	- Phải trả, phải nộp khác		68.611.660	137.384.840
	Quỹ Khen thưởng phúc lợi		-	-
2	Nợ dài hạn			
	Vay và nợ dài hạn		-	-
	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua Công ty đã thực hiện kiện toàn được tổ chức bộ máy điều hành, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế làm việc. Đặc biệt là Công ty đã xây dựng và hệ thống lại một cách khoa học về sổ sách và chế độ hạch toán, kế toán qua đó phản ánh kịp thời và chính xác tình hình tài chính của Công ty giúp Ban lãnh đạo đưa ra những quyết sách kịp thời, chính xác.

Mã chứng khoán TTZ của Công ty giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Do đó, Công ty đã phải thực hiện áp dụng chế độ báo cáo theo quy định và làm tăng tính minh bạch, công bằng trong hoạt động của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kinh doanh VLXD: Công ty chỉ thực hiện cung ứng cho các đối tác có khả năng về tài chính tốt, hoặc các dự án có nguồn vốn rõ ràng và khả năng thanh toán cao; Giảm thiểu dữ trữ hàng tồn kho; hạn chế thực hiện các chính sách bán hàng chậm trả đối với khách hàng mới.

- Dịch vụ vận tải & cung ứng nguyên liệu công nghiệp: Trong giai đoạn này nhu cầu về vận tải và nguyên vật liệu sản xuất công nghiệp (đất sét, cát chuyên dụng, cao lanh, than đá...) ngày tăng cao do sự phát triển về hạ tầng và mở rộng Khu công nghiệp trong địa bàn hoạt động của Công ty. Do đó, Chủ trương của Công ty là đầu tư mở rộng thị phần ở lĩnh vực hoạt động này, nên sẽ chú trọng đầu tư thêm phương tiện chuyên chở (tàu thủy, xe ô tô tải, máy xúc, máy ủi...), đầu tư mở rộng các hoạt động liên quan tới lĩnh vực này.

- Dịch vụ kho cảng: Tiếp tục khai thác tối đa công suất của cảng TTZ Port. Công ty sẽ tiếp tục nâng cấp (đầu tư thêm thiết bị, xây dựng thêm cầu cảng) và khai thác tối đa công suất của lĩnh vực hoạt động này để phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ vận tải và kinh doanh nguyên vật liệu công nghiệp của Công ty.

- Dự án Nhà máy gạch Tuynel tại Hòa Bình: Trong năm 2016, Tăng tối đa công suất hoạt động của nhà máy. Đẩy mạnh công tác marketing để đưa sản phẩm gạch của Công ty trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, Sơn La. Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ có nghị quyết ưu tiên ngân sách phát triển hạ tầng khu vực Tây Bắc nên đây là cơ hội lớn cho đầu ra sản phẩm của Nhà máy. Hiện nay, Công ty đã ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện với Công ty CP Phát triển nhà Hòa Bình (hoạt động tại Hòa Bình và Sơn La) để thực hiện kiên kết chuỗi cung ứng. Trong đó, Công ty CP Phát triển nhà Hòa Bình sẽ giới thiệu và xử dụng 100% sản phẩm gạch Tuynel của TTZ cho các công trình thi công, đồng thời TTZ sẽ góp vốn vào các dự án BĐS, thi công, Trung tâm kinh doanh VLXD, khai thác mỏ đá của Công ty CP Phát triển nhà Hòa Bình.

- Hoạt động khác của công ty:

+ Phát triển nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự thành công của công ty trong suốt thời gian qua. Do đó, để duy trì và phát huy hơn nữa giá

trị quý báu này, Công ty Tiên Trung sẽ phải tiếp tục kiện toàn tổ chức, điều chỉnh bộ máy cho phù hợp với mục tiêu hoạt động trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài.

+ Tích cực quan hệ cổ đông: Công ty dự kiến sẽ đầu tư phần mềm quản lý thông tin cổ đông và phản hồi mọi thắc mắc, nhu cầu tìm hiểu thông tin cho cổ đông, để cổ đông có thể cập nhật thông tin kịp thời về doanh nghiệp...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Công ty trong năm 2015 đã thực hiện đúng định hướng, đúng kế hoạch, phù hợp với quan điểm của HĐQT và của Đại hội đồng cổ đông đề ra trong kỳ đại hội trước đó. Các hoạt động được điều hành một cách linh hoạt theo chiều hướng tích cực và ứng phó kịp thời với những rủi ro do yếu tố khách quan mang lại.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Nhìn chung trong năm tài khóa 2015, Ban điều hành Công ty đã thực hiện được cơ bản các nghị quyết của Đại hội cổ đông. Vẫn duy trì sự ổn định và điều hành hoạt động của Công ty kinh doanh có lãi trong bối cảnh nền kinh tế suy thoái trầm trọng, đưa ra được những quyết định hợp lý để bảo toàn vốn của cổ đông. Thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành Công ty theo điều lệ Quy định. Quản lý tài chính chặt chẽ, nộp ngân sách Nhà nước về thuế, HBXH, BHYT và các chế độ đãi ngộ cho người lao động đúng quy định của công ty và pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong năm 2015, HĐQT công ty quyết tâm nỗ lực xây dựng Công ty phát triển ổn định và bền vững, vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2016 bằng các biện pháp chủ yếu sau:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hợp đồng đã ký và sử dụng nguồn vốn một cách có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2016.
- Duy trì việc trao đổi tình hình hàng tuần giữa chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành để tạo sự thống nhất và phát huy các sáng kiến, tưởng của các thành viên cho hoạt động của HĐQT và của Công ty.
- Duy trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị hàng tháng nhằm đề ra các chủ trương, chính sách kịp thời linh hoạt, giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.
- Soạn thảo chiến lược phát triển Công ty.

Với những biến động không ổn định của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành công ty để hoàn thành và vượt các chỉ tiêu đề ra cho năm 2016.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch HĐQT	4	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên HĐQT	2	100%	Miễn nhiệm từ ngày 27/4/2015
3	Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	4	100%	
4	Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên HĐQT	4	100%	
5	Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên HĐQT	4	100%	
6	Hoàng Anh Quyết	Thành viên HĐQT	2	100%	Bỏ nhiệm từ ngày 27/4/2015

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban giám đốc.

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thực hiện triển khai đầy đủ nội dung Nghị quyết Hội đồng quản trị đề ra, bao gồm: triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng thể đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và tập trung, tăng cường chỉ đạo rà soát, triển khai và hoàn thiện các hoạt động trọng điểm của Công ty, Khai thác hiện quả Dự án Nhà máy sản xuất gạch Tuynel của công ty con TNHH một thành viên Tiến Trung Hòa Bình.

- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban kiểm soát tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

- Tích cực hoạt động tạo ra nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác quan trọng để mở rộng thị trường, chuyển đổi những hoạt động (kinh doanh, dự án cũ) mất khả năng sinh lời hoặc thiếu tính bền vững sang những mảng hoạt động mới có tính bền vững và có tỷ suất lợi nhuận cao hơn .

- Đối với hoạt động quản trị nhân lực:

- HĐQT giám sát và kiểm tra công tác quản trị nhân lực của Ban giám đốc; xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động phù hợp với nhu cầu của công ty; Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động sao cho thỏa đáng trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Xây dựng và hoàn thiện quy trình làm việc; Quản trị; Thông tin liên lạc một cách khoa học để nâng cao khả năng quản lý tài chính và chất lượng quản trị nói chung cho phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

4. Các nghị quyết/Biên bản họp HĐQT

Stt	Số Nghị quyết/ Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/2015/NQ - HĐQT	15/2/2015	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015
2	02/2015/NQ - HĐQT	25/2/2015	Nghị quyết HĐQT về phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015
3	03/2015/NQ - HĐQT	24/7/2015	Nghị quyết HĐQT về phương hướng nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2015
4	12/2015/QĐ-HĐQT	29/9/2015	Quyết định góp vốn vào Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam
5	31/2015/QĐ-HĐQT	15/12/2015	Quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Tiến Trung Sơn La
6	02/12/2015/NQ-HĐQT	28/12/2015	Nghị quyết HĐQT Thông qua tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược tham gia mua cổ phiếu trong đợt phát hành tăng vốn Công ty

5. Hoạt động Ban kiểm soát

5.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu	Ghi chú
1	Vũ Tuấn Doanh	Trưởng ban	0	0%	
2	Nguyễn Văn Hải	Thành viên	0	0%	
3	Nguyễn Thị Loan	Thành viên	0	0%	

5.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2015, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban giám đốc (BGĐ) trong năm 2015 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, BGĐ trong năm 2015;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HDQT, BGĐ về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm 2015;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 đối với HDQT và BGĐ;
- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính;

5.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao và quyết toán Hội đồng quản trị, ban kiểm soát công ty năm 2015 được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

6. THAY ĐỔI DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Nguyễn Thị Mến	Thành viên HDQT		27/4/2015	Thay đổi thành viên HDQT
2	Nguyễn Văn Tơ	NCLQ		27/4/2015	Thay đổi NCLQ
3	Nguyễn Thị Gái	NCLQ		27/4/2015	Thay đổi NCLQ
4	Hoàng Văn Ty	NCLQ		27/4/2015	Thay đổi NCLQ

5	Hoàng Anh Quyết	NCLQ		27/4/2015	Thay đổi NCLQ
6	Hoàng Anh Quyết	Thành viên HĐQT	27/4/2015		Thay đổi thành viên HĐQT
7	Hoàng Văn Ty	NCLQ	27/4/2015		Thay đổi NCLQ
8	Nguyễn Thị Mến	NCLQ	27/4/2015		Thay đổi NCLQ
9	Hoàng Thị Kim	NCLQ	27/4/2015		Thay đổi NCLQ
10	Nguyễn Tuyết Nhung	NCLQ	27/4/2015		Thay đổi NCLQ
11	Hoàng Châu Anh	NCLQ	27/4/2015		Thay đổi NCLQ

7. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN

a) Danh sách cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỉ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Hoàng Văn Ty	655.400	12.48%	
2	Hoàng Anh Quyết	0	0%	
3	Hoàng Thị Kim	157.500	3.0%	
4	Nguyễn Tuyết Nhung	500.000	9.52%	
5	Đặng Ngọc Thông	157.500	3.0%	
6	Nguyễn Xuân Vĩnh	0	0%	
8	Nguyễn Thị Loan	0	0%	
9	Vũ Tuấn Doanh	0	0%	
10	Nguyễn Hải Văn	0	0%	
11	Vũ Thị Hằng	0	0%	
12	Đinh Thị Liên Hương	0	0%	

b) **Danh sách người có liên quan** (Phụ lục đính kèm trong báo cáo quản trị năm 2014).

c) **Giao dịch cổ phiếu:** Không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ
CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



ĐẠI LỢI CỘNG HÒA VIỆT NAM

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21

0102
CỔ
SÁCH
KI
V
NG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Ty	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Mến	Thành viên
Bà Nguyễn Tuyết Nhung	Thành viên
Bà Hoàng Thị Kim	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Văn Ty	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vinh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Lê Quế	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ 29/09/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Dưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Ty
Giám đốc

Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

46
NG
HIỆP
M 1
A
4 -

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 142 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2016, từ trang 03 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0670-2015-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2013-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.757.735.155	47.802.756.461
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.345.471.213	2.275.975.653
1. Tiền	111		1.345.471.213	2.275.975.653
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.914.370.848	23.666.464.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.526.669.208	4.525.664.823
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.366.263.250	15.490.800.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.800.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		20.375.999	3.650.000.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(798.937.609)	-
III. Hàng tồn kho	140	9	26.188.835.365	21.000.051.082
1. Hàng tồn kho	141		26.188.835.365	21.000.051.082
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.309.057.729	860.264.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.303.244.760	434.498.184
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.812.969	425.766.719
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.310.458.894	15.560.972.975
L. Tài sản cố định	220		16.752.453.004	15.362.817.046
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	16.752.453.004	15.362.817.046
- Nguyên giá	222		22.796.537.801	20.102.740.928
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.044.084.797)	(4.739.923.882)
II. Tài sản dài hạn khác	260		558.005.890	198.155.929
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	540.671.674	198.155.929
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17.334.216	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		67.068.194.049	63.363.729.436

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.227.854.022	7.707.927.395
I. Nợ ngắn hạn	310		9.227.854.022	7.707.927.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	7.304.061.102	6.281.703.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		162.000.000	555.106.596
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.432.408.080	802.505.186
4. Phải trả người lao động	314		192.000.000	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		137.384.840	68.611.660
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.840.340.027	55.655.802.041
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	57.840.340.027	55.655.802.041
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.500.000.000	52.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.500.000.000	52.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.340.340.027	3.155.802.041
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.155.802.041	2.436.896.672
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.184.537.986	718.905.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		67.068.194.049	63.363.729.436



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		74.470.822.510	20.787.217.911
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	74.470.822.510	20.787.217.911
4. Giá vốn hàng bán	11	17	63.434.620.945	16.523.567.043
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.036.201.565	4.263.650.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.731.572	1.147.467
7. Chi phí bán hàng	25	18	3.009.073.988	1.459.281.027
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	4.950.622.515	1.803.547.626
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.079.236.634	1.001.969.682
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32		254.879.785	-
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(254.879.785)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.824.356.849	1.001.969.682
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	657.153.079	283.064.313
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(17.334.216)	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.184.537.986	718.905.369
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	416	149



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.824.356.849	1.001.969.682
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1.470.398.237	1.323.241.105
- Các khoản dự phòng	03	798.937.609	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	72.978.606	(1.147.467)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.166.671.301	2.324.063.320
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	4.173.110.116	(12.698.257.979)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.188.784.283)	(3.425.699.839)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	862.773.548	1.677.503.164
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.211.262.321)	134.170.095
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.802.508.361	(11.988.221.239)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.035.744.373)	(4.391.301.985)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	100.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.800.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.731.572	1.147.467
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.733.012.801)	(4.390.154.518)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	17.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	17.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(930.504.440)	1.121.624.243
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.275.975.653	1.154.351.410
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.345.471.213	2.275.975.653



Hoàng Văn Ty
Giám đốc
Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Tiên Trung được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10/04/2003 và được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17/12/2010. Cho đến nay, Công ty đã được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 26/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 26/04/2015 là 52.500.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 120 người (tại 31 tháng 12 năm 2014 là 143 người).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty Mẹ là:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rã, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...); Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Sudev Việt Nam	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh xe gắn máy

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

6
TY
HỮU
SẢN
O
TP. V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được trình bày lại với mục đích so sánh như tại thuyết minh số 25 - Số liệu so sánh.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá tất cả các khoản nợ phải thu đều có khả năng thu hồi, không có khoản nào khó đòi cần phải trích lập dự phòng theo quy định.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

0107
CI
RACH
KI
0107

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	14-19
Máy móc thiết bị	8-14
Phương tiện vận tải	7-10

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.313.674.017	2.268.670.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	31.797.196	7.305.276
Cộng	<u>1.345.471.213</u>	<u>2.275.975.653</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>17.526.669.208</u>	<u>4.525.664.823</u>
Công ty CP ĐTXD và Thiết kế Phú Thăng Long	2.797.589.400	1.493.787.500
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	1.301.100.003
Công ty TNHH Thiên An Sơn	4.418.458.724	460.138.719
Nguyễn Huy Hoàng	1.415.000.000	-
Các đối tượng khác	7.594.521.081	1.270.638.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
	VND	VND	VND	VND	
Công ty TNHH Long Triều	1.301.100.003	650.550.001	1.301.100.003	1.301.100.003	01 năm
Công ty TNHH Thành Thiêm	63.810.595	31.905.298	63.810.595	63.810.595	01 năm
Công ty CP Xây lắp Tây Sơn	232.964.620	116.482.310	232.964.620	232.964.620	01 năm
Cộng	1.597.875.218	798.937.609	1.597.875.218	1.597.875.218	

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-
- Các khoản cho vay cá nhân	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-

Khoản cho vay cá nhân Nguyễn Thị Hương với lãi suất 5,5%/năm theo số hợp đồng 01-2015/VSUDEV ngày 03 tháng 08 năm 2015, thời hạn vay 06 tháng và không có tài sản đảm bảo.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	992.206.100	-	1.506.424.211	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	9.923.011.892	-	15.064.423.215	-
Hàng hóa	15.273.617.373	-	4.429.203.656	-
Cộng	26.188.835.365	-	21.000.051.082	-

Ghi chú: (i) Trong đó chủ yếu là chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình chưa hoàn thành. Dự kiến quý 1/2016, sau khi xây dựng hoàn thành, nhà máy sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình (Công ty con) quản lý và sử dụng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.303.244.760	434.498.184
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	1.303.244.760	434.498.184
b) Dài hạn	540.671.674	198.155.929
Công cụ, dụng cụ, nhiên liệu xuất dùng	540.671.674	198.155.929

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
01/01/2015	11.845.368.754	2.876.147.186	5.381.224.988	20.102.740.928
- Mua trong năm	-	-	1.735.415.454	1.735.415.454
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.300.328.919	-	-	1.300.328.919
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(341.947.500)	(341.947.500)
31/12/2015	13.145.697.673	2.876.147.186	6.774.692.942	22.796.537.801
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2015	1.488.929.754	1.284.040.556	1.966.953.572	4.739.923.882
- Khấu hao trong năm	655.485.402	245.233.716	569.679.119	1.470.398.237
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(166.237.322)	(166.237.322)
31/12/2015	2.144.415.156	1.529.274.272	2.370.395.369	6.044.084.797
Giá trị còn lại				
01/01/2015	10.356.439.000	1.592.106.630	3.414.271.416	15.362.817.046
31/12/2015	11.001.282.517	1.346.872.914	4.404.297.573	16.752.453.004

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	7.304.061.102	7.304.061.102	6.281.703.953	6.281.703.953
Công ty CPTM XNK	2.750.032.745	2.750.032.745	-	-
Xăng dầu Đại Dương				
Công ty TNHH ô tô và thiết bị Thiên Trường Long	930.000.000	930.000.000	-	-
Công ty CP Nhật Hưng	680.350.000	680.350.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dũng Hiền	550.000.000	550.000.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Thanh	471.260.100	471.260.100	-	-
Đối tượng khác	1.922.418.257	1.922.418.257	6.281.703.953	6.281.703.953

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	182.247.154	272.749.815	300.000.000	154.996.969
Thuế thu nhập doanh nghiệp	615.681.191	657.153.079	-	1.272.834.270
Thuế thu nhập cá nhân	4.576.841	-	-	4.576.841
Cộng	802.505.186	929.902.894	300.000.000	1.432.408.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	52.500.000.000	2.436.896.672	54.936.896.672
Lãi / (lỗ) trong năm	-	718.905.369	718.905.369
Số dư tại ngày 31/12/2014	52.500.000.000	3.155.802.041	55.655.802.041
Lãi / (lỗ) trong năm	-	2.184.537.986	2.184.537.986
Số dư tại ngày 31/12/2015	52.500.000.000	5.340.340.027	57.840.340.027

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 26/04/2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ của Công ty là 52.500.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu và cổ đông góp đủ.

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.250.000	5.250.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.250.000	5.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động – Bộ phận sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Bộ phận kinh doanh mua bán xe gắn máy. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 02 bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: Sản xuất gạch, khai thác đất, đá, cát, sỏi, và buôn bán vật liệu xây dựng. Dịch vụ vận chuyển vật liệu xây dựng.
Bộ phận kinh doanh mua bán xe gắn máy: Buôn bán xe gắn máy các loại.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31/12/2015	Sản xuất, kinh doanh	Kinh doanh xe gắn máy	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	57.891.398.421	9.176.795.628	67.068.194.049
Tổng tài sản hợp nhất			67.068.194.049
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	9.160.796.096	67.057.926	9.227.854.022
Tổng nợ phải trả hợp nhất			9.227.854.022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Năm 2015	Sản xuất, kinh doanh	Kinh doanh xe gắn máy	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	68.260.482.653	6.210.339.857	74.470.822.510
Tổng doanh thu	68.260.482.653	6.210.339.857	74.470.822.510
Kết quả hoạt động kinh doanh			-
Giá vốn	57.719.390.945	5.715.230.000	63.434.620.945
Lãi gộp	10.541.091.708	495.109.857	11.036.201.565
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý			7.959.696.503
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.076.505.062
Lãi (lỗ) khác			(254.879.785)
Doanh thu tài chính			2.731.572
Chi phí tài chính			-
Lợi nhuận trước thuế			2.824.356.849
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			657.153.079
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			(17.334.216)
Lợi nhuận trong năm			2.184.537.986

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại Thái Bình, Hà Nội, Hòa Bình. Hoạt động sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng được đặt tại Thái Bình và Hòa Bình. Hoạt động kinh doanh mua bán xe gắn máy ở Hà Nội.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Năm 2015 VND
Thái Bình, Hòa Bình	68.260.482.653
Hà Nội	6.210.339.857
	74.470.822.510

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận	Tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình
	31/12/2015 VND	31/12/2015 VND
Thái Bình, Hòa Bình	16.752.453.004	3.035.744.373
Hà Nội	-	-
	16.752.453.004	3.035.744.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	43.914.371.768	11.358.571.324
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.556.450.742	9.428.646.587
Cộng	74.470.822.510	20.787.217.911

17. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn hàng đã bán	37.073.264.661	8.925.871.295
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	26.361.356.284	7.597.695.748
Cộng	63.434.620.945	16.523.567.043

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí vật liệu, bao bì	2.661.860.746	480.119.326
Chi phí khấu hao TSCĐ	337.048.762	736.975.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	964.480	242.185.973
Chi phí bằng tiền khác	9.200.000	-
Cộng	3.009.073.988	1.459.281.027

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.544.509.200	701.766.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	911.701.693	262.515.506
Chi phí khấu hao TSCĐ	346.902.391	274.440.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.227.811	443.950.186
Chi phí dự phòng	798.937.609	-
Chi phí bằng tiền khác	596.343.811	120.874.952
Cộng	4.950.622.515	1.803.547.626

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.377.128.076	12.177.685.122
Chi phí nhân công	11.417.105.958	1.973.138.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.470.398.237	1.337.047.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.304.962.171	2.250.203.474
Dự phòng	798.937.609	-
Chi phí khác bằng tiền	605.543.811	120.874.952
Cộng	34.974.075.862	17.858.948.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Công ty mẹ		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.955.678.525	1.286.655.970
Thu nhập chịu thuế	1.955.678.525	1.286.655.970
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ	430.249.276	283.064.313
Công ty con		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.134.519.012	(88.988.273)
Thu nhập chịu thuế	1.134.519.012	(88.988.273)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con	226.903.803	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất	657.153.079	283.064.313

Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận (Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.186.271.409	718.905.369
Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.250.000	4.808.904
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	416	149
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Hiện tại, Công ty chưa có kế hoạch phân chia lợi nhuận năm 2015. Theo đó, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015 chưa tính ảnh hưởng của quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2014, Công ty không chia quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.345.471.213)	(2.275.975.653)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	57.840.340.027	55.655.802.041
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.345.471.213	2.275.975.653	1.345.471.213	2.275.975.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.548.107.598	4.525.664.823	18.548.107.598	4.525.664.823
Cộng	19.893.578.811	6.801.640.476	19.893.578.811	6.801.640.476
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán và phải trả khác	7.441.445.942	6.350.315.613	7.441.445.942	6.350.315.613
Cộng	7.441.445.942	6.350.315.613	7.441.445.942	6.350.315.613

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
31/12/2015		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.345.471.213	1.345.471.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>18.548.107.598</u>	<u>18.548.107.598</u>
Cộng	<u>19.893.578.811</u>	<u>19.893.578.811</u>
31/12/2015		
Phải trả người bán và phải trả khác	<u>7.441.445.942</u>	<u>7.441.445.942</u>
Cộng	<u>7.441.445.942</u>	<u>7.441.445.942</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>12.452.132.869</u>	<u>12.452.132.869</u>
01/01/2015		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.275.975.653	2.275.975.653
Phải thu khách hàng và phải thu khác	<u>4.525.664.823</u>	<u>4.525.664.823</u>
Cộng	<u>6.801.640.476</u>	<u>6.801.640.476</u>
01/01/2015		
Phải trả người bán và phải trả khác	<u>6.350.315.613</u>	<u>6.350.315.613</u>
Cộng	<u>6.350.315.613</u>	<u>6.350.315.613</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>451.324.863</u>	<u>451.324.863</u>

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, Công ty không có giao dịch và không có số dư nào với các bên liên quan, ngoại trừ phần thu nhập của Ban Giám đốc dưới đây:

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lương và thu nhập ban giám đốc	<u>416.600.000</u>	<u>279.600.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MÃU B 09-DN/HN
 Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số đã báo cáo tại 31/12/2014 VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại tại 01/01/2015 VND
Bảng cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn khác	-	3.650.000.000	(3.650.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	3.650.000.000	-	3.650.000.000



Hoàng Văn Ty
 Giám đốc
 Thái Bình, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Vũ Thị Hằng
 Kế toán trưởng

Vũ Thị Hằng
 Người lập biểu

Thái Bình, 10 tháng 04 năm 2016.
**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**
GIÁM ĐỐC



